

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA NGOẠI NGỮ

BỘ CÂU HỎI ĐỀ THI VẤN ĐÁP, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nói 2		
Mã học phần:	71ENGL30342	Số tin chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ENGL30342-01		
Hình thức thi: Vấn đáp	Thời gian làm bài:	3-5	phút
<input type="checkbox"/> Cá nhân	<input checked="" type="checkbox"/> Nhóm		
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng các từ vựng căn bản phù hợp với các chủ đề khác nhau.	Vấn đáp	40%	Situation 1 – Situation 10	4.0	PI 2.2
CLO3	Diễn đạt ý tưởng một cách tự nhiên đúng ngữ pháp, và phát âm rõ ràng bằng tiếng Anh.	Vấn đáp	20%	Situation 1 – Situation 10	2.0	PI 7.1
CLO4	Áp dụng các mẫu câu phù hợp theo tình huống cụ thể.	Vấn đáp	40%	Situation 1 – Situation 10	4.0	PI 8.1

III. Nội dung câu hỏi thi

Sinh viên bốc thăm một trong những tình huống sau đây:

SITUATION 1:**STUDENT A:**

You learned that your partner in the class activity is a new student from Hanoi. Make a small talk by starting a conversation and ask about his/her experiences recently here in Saigon.

STUDENT B:

You are from Hanoi, and you recently moved to Saigon to study. Talk to your classmate who is a Saigonese and ask what you would like to know more about Saigon.

SITUATION 2:**STUDENT A:**

You vomited after having had your lunch and you feel tired and sick afterwards. Ask for help from one of your friends in the class.

STUDENT B:

Assist your friend and give immediate medical assistance after having vomited. Ask some symptoms as regards how he/she feels. Call a doctor if necessary.

SITUATION 3:**STUDENT A:**

You want to give up eating fast food as it becomes your unhealthy habit but you don't know how to start as you find it very difficult. Ask your friend's advice.

STUDENT B:

Motivate your friend on how to stop eating fast food and doing unhealthy activities. Give useful advice on how to stay healthy and fit. Suggest some important activities to do.

SITUATION 4:

STUDENT A:

You have some homework in your English class about reading habits among Vietnamese children. Interview your younger brother, or cousin and get information about this.

STUDENT B:

You are a very young Vietnamese learner. Talk about your reading habits, what you like or dislike about it, and your experiences about reading for pleasure.

SITUATION 5:**STUDENT A:**

Corona Pandemic was a natural disaster that killed millions of people around the world. Talk to your classmate and share your personal experiences during that time.

STUDENT B:

Share your personal stories during the Covid pandemic in Vietnam and how were you able to survive. Talk about why it is important to study about this.

SITUATION 6:**STUDENT A:**

You and your best friend decided to pursue English as your major at Van Lang University. You both feel that you need to enhance your English skills for you to achieve good results here. Talk about your plans on how you can improve your communication skills.

STUDENT B:

Listen to your friend's plan to improve communication skills. Share about your tips on how you can improve your communication skills.

SITUATION 7:**STUDENT A:**

You need to work on your project regarding an interview with a foreigner. Prepare the questions that you need to ask to get important information regarding the culture and tradition of that person. Make sure that your questions are respectful and culturally sensitive.

STUDENT B:

Listen to student A and answer all questions regarding the culture and tradition in your country. Be kind.

SITUATION 8:

STUDENT A:

You had an argument with one of your classmates while working on a team project. You feel bad about this since both of you have different personalities. Ask for some advice on how you can manage this issue.

STUDENT B:

Give useful advice to your classmate who had a misunderstanding with one of the members of the team in the groupwork. Share your experiences on how you manage conflict.

SITUATION 9:

STUDENT A:

You and your classmate need to make a video advertisement on TikTok. Discuss what content you would like to create and share important details about your ideas.

STUDENT B:

You and your classmate need to make a video advertisement on TikTok. Discuss and share your ideas to make a viral video advertisement.

SITUATION 10:

STUDENT A:

Talk to your best friend regarding your plans whether you will continue to study English as a major at Van Lang University or shift to study another major. Discuss the advantages and disadvantages of both.

STUDENT B:

Discuss the advantages and disadvantages of both pursuing English as a major at Van Lang University or shifting to another major. Give some useful advice to your friend who is confused now.

HƯỚNG DẪN:

- Hướng dẫn sinh viên trình bày: Sinh viên bốc thăm một trong 10 chủ đề và có thời gian chuẩn bị 3 phút trước khi trình bày đoạn hội thoại theo cặp. Thời gian trình bày 1 cặp: 3 phút.

Tiêu chí chấm điểm bao gồm: Sự chính xác, Ngữ pháp, Ngôn ngữ và ý tưởng (4 điểm). Sự trôi chảy, Phát âm rõ ràng, Nói tự nhiên (4 điểm). Sự phù hợp, Dùng từ vựng/ cấu trúc thích hợp với hoàn cảnh (thông thường hay trang trọng) (2 điểm).

RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM

Rubric: Đánh giá thi cuối kỳ

Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Giỏi (8.5-10 điểm)	Khá (7-8.4 điểm)	Trung bình (5.5-6.9 điểm)	Trung bình yếu (4-5.4 điểm)
Sự chính xác (Accuracy): -Ngữ pháp -Ngôn ngữ và ý tưởng	40	Vận dụng chính xác các kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) trong việc giao tiếp trong một tình huống cụ thể.	Vận dụng tương đối chính xác các kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) trong việc giao tiếp trong một	Có nhiều lỗi sai trong việc vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) trong việc giao tiếp trong một tình huống cụ thể.	Vận dụng được rất ít các kiến thức về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) trong việc giao tiếp trong một tình huống cụ thể.

			tình huống cụ thể.		
Sự trôi chảy (Fluency): -Phát âm rõ ràng -Nói tự nhiên (ít vấp, ít lúng túng)	40	Thể hiện sự tự tin, phát âm rõ ràng và nói rất trôi chảy khi giao tiếp bằng tiếng Anh trôi chảy	Thể hiện sự tự tin, phát âm rõ, nhưng đôi lúc ngập ngừng trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh	Phát âm chưa rõ, không tự tin và nhiều ngập ngừng khi giao tiếp bằng tiếng Anh	Phát âm quá nhiều lỗi sai, ngập ngừng không truyền tải được thông điệp khi giao tiếp bằng tiếng Anh
Sự phù hợp (Appropriacy): Dùng từ vựng/ cấu trúc thích hợp với hoàn cảnh (thông thường hay trang trọng)	20	Thể hiện được sự hiểu biết và tinh tế trong cách chọn lọc các từ vựng cấu trúc phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.	Sử dụng từ vựng và cấu trúc một cách tương đối phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.	Sử dụng từ vựng chưa linh hoạt, thỉnh thoảng sử dụng cấu trúc không phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.	Không biết chọn lọc từ vựng và thường xuyên sử dụng sai cấu trúc với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

Rubrics for Speaking 2

Evaluation methods	Weight (%)	Excellent (8.5-10 points)	Fair (7-8.4 points)	Average (5.5-6.9 points)	Moderately weak (4-5.4 points)
Accuracy: -Grammar -Language and ideas	40	Accurately apply knowledge of language (grammar and vocabulary) in	Relatively accurate application of knowledge of language	There are many mistakes in applying knowledge of language (grammar and vocabulary) in	Apply very little knowledge of language (grammar and vocabulary) in communication in a specific situation.

		communicatio n in a specific situation.	(grammar and vocabular y) in communic ation in a specific situation.	communication in a particular situation.	
Fluency: -Articulate -Speak naturally (less tripping, less awkwardnes s)	40	Show confidence, pronounce clearly, and speak fluently when communicatin g in fluent English	Show confidenc e, pronounce clearly, but sometimes hesitate when communic ating in English	Unclear pronunciation, lack of confidence and many hesitations when communicating in English	Pronouncing too many mistakes, hesitant to convey the message when communicating in English
Appropriacy : Use vocabulary/s tructure appropriate to the situation (casual or formal)	20	Show understanding and subtlety in the selection of structured vocabulary appropriate to the context and purpose of communicatio	Use vocabular y and structures relatively appropriat e to the context and purpose of communic ation.	Using vocabulary is not flexible, sometimes using structures that are not suitable for communication situations and purposes.	Not knowing how to choose vocabulary and often using the wrong structure with the situation and purpose of communication.

		n.			
--	--	----	--	--	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2024
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề



TS. Nguyễn Hòa Mai Phương



ThS. Ngô Thị Cẩm Thuỳ